

**Bản án số:148/2022/HSST**

**Ngày: 17/8/2022**

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N THÀNH PHỐ H**

***Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh*
- *Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Minh và ông Vương Đình Quang*
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Kim Yến*
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa: Bà Tạ Thị Thương Huyền – Kiểm sát viên.*

Trong ngày 17/8/2022, tại trụ sở TAND quận N, thành phố H, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ L số 126/2022/TLST-HS ngày 01/7/2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hùng S, sinh năm 1977; Giới tính: Nam

Nơi ĐKNKTT: Số 10, ngõ 66, Hồ T Mậu, Phường Mai Dịch, quận C, TP. H.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị N

Bị cáo có vợ là Vương Thị H, sinh năm 1992.

Tiền án: Có 07 tiền án, cụ thể:

1. Tại bản án số 93/HSST ngày 29/6/1995, TAND huyện T xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân (Tài sản là 01 xe đạp mi pha và 01 xe đạp phượng hoàng, bản án không thể hiện giá trị tài sản) và 09 tháng tù tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân (Tài sản chiếm đoạt là 01 xe máy Citi 100 trị giá khoảng 14 – 15 triệu đồng). Buộc chấp hành hình phạt chung cho cả 2 tội là 18 tháng tù (BL 112).

2. Tại bản án số 649/HSST ngày 29/6 và 01/7/1996, TAND thành phố H xử phạt 5 năm về tội Hiếp dâm và 6 tháng tù về tội Trốn khỏi nơi giam, buộc chấp hành hình phạt chung cho cả 2 tội là 5 năm 6 tháng tù. Ngày phạm tội 17/6/1995. Tổng hợp với bản án số 93/HSST ngày 29/6/1995 của TAND huyện T, buộc chấp hành hình phạt chung là 7 năm tù (Tại Bản án số 1698 ngày 27/11/1996 của Tòa Phúc thẩm - TAND tối cao giữ nguyên các quyết định của Bản án số 649/HSST ngày 29/6 và 01/7/1996

của TAND thành phố H - BL 117). Ra trại ngày 01/9/1998 theo Quyết định Đặc Xá của Chủ tịch nước (BL125).

3. Tại bản án 08/HSST ngày 23/01/1999, TAND quận C xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân (Tài sản trộm cắp là 01 chiếc xe mini Trung Quốc màu đỏ và 01 xe đua Trung Quốc màu xanh, bản án không thể hiện giá trị tài sản). Ngày phạm tội 29/10/1998 (BL 126). Ra trại ngày 30/4/2000 (BL 128).

4. Tại bản án số 114/HSST ngày 26/10/2000, TAND quận C xử phạt 40 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Tài sản trị giá 1.000.000 đồng). Ngày phạm tội 09/5/2000 (Tại bản án phúc thẩm số 443/HSPT ngày 29/12/2000 của TAND thành phố H quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm - BL 129).

5. Tại bản án số 92/HSST ngày 19/7/2001, TAND quận C xử phạt 42 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Tài sản trị giá 1.500.000 đồng). Ngày phạm tội 29/10/2000. Tổng hợp với bản án số 144/HSST ngày 26/10/2000 của TAND quận C, buộc chấp hành hình phạt chung là 82 tháng tù (BL 133). Ra trại ngày 28/12/2006 (BL 135).

6. Tại bản án số 73/2008/HSST ngày 19/9/2008, TAND thành phố H xử phạt 09 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Ngày phạm tội là 9/11/2007 (BL 136). Ngày 26/4/2011, TAND tỉnh Bắc Giang ra Quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày 26/4/2011 đến ngày 26/10/2011 (BL 143). Ngày 18/10/2011, TAND tỉnh Bắc Giang ra Quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày 26/10/2011 đến ngày 26/10/2012 (BL 144).

7. Tại bản án số 251/2013/HSST ngày 31/7/2013, TAND huyện Từ Liêm xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản 28.000.000 đồng). Ngày phạm tội 18/01/2013 (Đã nộp án phí ngày 31/7/2013). Tổng hợp với phần hình phạt tù trong thời hạn 1 năm đến ngày 26/12/2012 (BL 143). Hình phạt chưa chấp hành của bản án số 73/2008/HSST ngày 19/9/2008 của TAND thành phố H là 05 năm 6 tháng 13 ngày. Buộc chấp hành hình phạt chung là 8 năm 6 tháng 13 ngày (BL 145). Ngày 28/9/2013, TAND thành phố H ra Quyết định số 763/2013/HSPT-QĐ đình chỉ xét xử phúc thẩm do bị cáo rút kháng cáo (BL 158). Ra trại ngày 24/02/2021 (BL 160).

Tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 17/02/2012, Công an quận Đ xử phạt hành chính theo Quyết định số 50905 về hành vi “Đánh bạc”.

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp và bị tạm giữ từ ngày 25/10/2021. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Số 1 – Công an thành phố H. Số giam: 97B2/5 – Có mặt

2. Bùi Văn T, sinh năm 1994; Giới tính: Nam

Nơi ĐKNKTT: Thôn Hưng Long Nam, xã Đông Long, huyện T, tỉnh T.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông Bùi Văn U và bà Đoàn Thị L

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Từ năm 2013 đến năm 2015 tham gia và hoàn thành nghĩa vụ Q sự tại tỉnh Ninh Thuận.

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp và bị tạm giữ từ ngày 25/10/2021. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Số 1 – Công an thành phố H. Số giam: 5399A2/20(4) – Có mặt

3. Tạ Thị Thu Tr, sinh năm 2002; Giới tính: Nữ

Nơi ĐKNKTT: Khu 2, xã S Vi, huyện L, tỉnh P.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông Tạ Văn Q và bà Tạ Thị Mười B

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp và bị tạm giữ từ ngày 25/10/2021. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Số 1 – Công an thành phố H. Số giam: 98B2/M5(M2) – Có mặt

Người bị hại: Vũ Văn K, sinh năm 1996 – Có mặt

Nơi ĐKNKTT: Số 3/2 Trần Bích San, phường Trần Quang Khải, TP N, tỉnh N.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Các bị cáo bị VKSND quận N, thành phố H truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng cuối tháng 6/2021, anh Vũ Văn K quen biết với Tạ Thị Thu Tr qua mạng xã hội facebook, K giới thiệu với Tr tên là H, sinh năm 1991, nhà ở Hà Đông, làm nghề buôn bán xe ô tô (tên, địa chỉ và nghề K giới thiệu là giả) và sau đó cả hai đã nảy sinh mối quan hệ tình cảm với nhau. Trong khoảng thời gian quan hệ tình cảm, từ tháng 07/2021 đến tháng 09/2021, K đã nhiều lần nói dối Tr để Tr tin tưởng và chuyển tiền cho K với tổng số tiền là 115.000.000đ nhưng sau đó, K đã thay đổi nơi ở và cắt liên lạc, không thông báo cho Tr biết nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền trên của Tr.

Ngày 27/9/2021, K đến thuê phòng trọ của Bùi Văn T tại số 9 ngõ 8/191 Lê Quang Đạo, phường Phú Đô, N, H để ở. Trong khoảng thời gian thuê nhà của anh T, K có nợ T 1.100.000đ (gồm 700.000đ tiền thuê phòng và 400.000đ K vay T để chi tiêu cá nhân). Đồng thời, K còn nợ anh Đỗ Bình Phước (Sinh năm: 1999, HKTT: Thái Thịnh, T, tỉnh T; là người cùng thuê trọ ở nhà T) 500.000đ. Đến ngày 20/10/2021, K chuyển chỗ ở đi nơi khác nhưng không mang đồ đi và không thanh toán số tiền 1.600.000đ còn nợ của T và Phước. Do trước đây có lần K mượn điện thoại của T để nhắn tin tới số điện thoại 0964471436 của Tạ Thị Thu Tr nên T đã liên

hệ với Tr để hỏi thông tin của K thì được biết K cũng đang nợ Tr 115.000.000đ. Sau đó, T và Tr nhắn tin nói chuyện với nhau và thống nhất khi nào K về phòng trọ thì T sẽ báo cho Tr đến để đòi tiền.

Khoảng 14 giờ 20 phút ngày 24/10/2021, K sử dụng facebook “Bảo Nam” nhắn tin cho T hẹn sẽ quay về phòng trọ tại số nhà 9 ngõ 8/191 Lê Quang Đạo, phường Phú Đô, N, H để lấy đồ đạc nên T đã nhắn tin thông báo cho Tr biết và bảo Tr nên rủ thêm người đi cùng cho dễ đòi tiền. Tr sau đó gọi điện cho bạn trai là Nguyễn Văn Tường (sinh năm: 1993, HKTT: Hà Tu, TP Hạ Long, Quảng Ninh) để nhờ đi đòi nợ giúp thì Tường hẹn Tr qua đầu ngõ 66 Hồ T Mậu ngồi uống nước. Khi Tr đến nơi thì gặp Tường và một người đàn ông khác tên Q (chưa rõ nhân thân, lai lịch). Tại đây, Tường bảo có gì thì đi vào nhà Nguyễn Hùng S (tại số 10 ngõ 66 Hồ T Mậu, Mai Dịch, C, H) để nói chuyện rồi dẫn Tr, Q đi vào nhà S. Trên đường đi, Tường do có việc đột xuất phải đi nên chỉ có Q dẫn Tr vào thì gặp S ở cổng. Tr giới thiệu với S, Q mình là người yêu của Tường và muốn nhờ S, Q đi đòi nợ giúp Tr thì cả hai đồng ý.

Khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày, K về phòng trọ của nhà T thì T yêu cầu K phải trả nợ nhưng K hẹn tới hoặc mai sẽ trả. Do nghi ngờ K sẽ không trả tiền cho mình nên T đã nhắn tin cho Tr để thông báo việc K đang ở phòng trọ của T và giục Tr “sang nhanh lên, giải quyết 1 thể”, “đi nhanh lên, anh muốn xử L nó quá”. Sau đó, Tr cùng S, Q thuê xe taxi đi đến nhà T. Trên xe, Tr nói với S là người ở Phú Đô đang nợ Tr 115.000.000đ, nhờ S đến đòi giúp thì S nói Tr chỉ cần đến nói chuyện nhẹ nhàng với người ta thôi, mọi việc cứ để S lo. Khoảng 17 giờ cùng ngày, Tr, S và Q đến nhà T tại số 9 ngõ 8/191 Lê Quang Đạo, phường Phú Đô, N, H thì Tr gọi điện cho T ra mở cửa. T sau khi mở cửa cho Tr, S và Q đi vào nhà thì khóa cửa lại theo thói quen (do trong nhà T có nhiều máy tính dùng chơi game có giá trị). Lúc này, K đang đứng ở cửa phòng máy tính trong nhà T, thấy Tr vào nên K định kéo Tr ra để nói chuyện riêng nhưng S không cho và yêu cầu K đi vào phía trong phòng máy tính nói chuyện. Vào phòng, S hỏi Tr “đây có phải người nợ em 115.000.000đ không”. Tr gật đầu. S lại hỏi K “mày nợ em gái tao 115.000.000đ đúng không”. K trả lời đúng và nói Tr đã cho mình 3 năm để trả nợ. Lúc này, Tr mới kể là K khai tên giả, nhiều lần nói dối Tr để Tr chuyển tiền. Nghe thấy vậy thì S, T nói K là đồ lừa đảo và S yêu cầu K trong vòng 1 ngày phải vay tiền trả cho Tr nhưng K không đồng ý và nói Tr đã cho K 3 năm để trả nợ từ trước đó rồi, S liền chửi K: “ĐMM! Tao biết mày ở đâu mà 3 năm nữa mới trả” đồng thời lao vào dùng tay tát K 02 cái vào mặt. T cũng hỏi K “Thế tiền mày nợ tao thế nào, cũng như thế à?” thì K nói “tôi đã nói với ông là mai tôi đi làm tôi sẽ trả”, T bảo K “mày định lừa tao tiếp à?”. Lúc này, do thấy K hứa hẹn rất nhiều lần mà vẫn không trả tiền nên T đã dùng tay đấm 01 cái, tát 01 cái vào mặt K. Thấy S và T đánh K, chị Vũ Thị Thanh Hương (sinh năm: 1999, HKTT: Xuân Bái, Thọ Xuân, Thanh Hóa; là người yêu của T) và anh Đỗ Bình Phước (đang đeo tai nghe ngồi chơi game ở trong phòng) vào can ngăn và đẩy T ra. Tiếp đó, S và Tr yêu cầu K viết giấy nợ thì T đi lấy giấy, bút đưa cho K để K viết giấy. Trước khi K viết giấy, S bàn với T hay là đưa K lên Công an thì T nói “đưa đi đâu thì nó (tức K) cũng phải để lại đồ ở đây, bao giờ trả nợ thì cho chuộc”, S liền hỏi T “nó nợ mày bao nhiêu” thì T quay sang hỏi Phước “nó nợ em bao nhiêu”, Phước đang chơi game nên trả lời 500.000đ thì T nói với S là 1.600.000đ. S bảo với T để anh bảo nó

trả luôn cùng với khoản nợ của Tr. Sau đó, S yêu cầu K viết giấy xác nhận nợ Tr số tiền 117.000.000đ (gồm 115.000.000đ K nợ Tr và làm tròn số tiền 2.000.000đ là tiền K nợ T và Phước) rồi đưa cho Tr và Q đọc. Sau khi đọc xong, Q thấy nội dung sơ sài nên bắt K viết lại nhưng khi K đang viết dở thì bút hết mực nên không viết nữa. Lúc này, Tr lấy điện thoại ra quay video, còn Q lớn giọng hỏi K “mày có bị ai đánh không? Mày viết giấy có bị ai ép không...” thì K do sợ nên đều trả lời “Không”. Sau đó, K xin được gọi điện thoại về cho gia đình để xin tiền bố mẹ trả cho Tr thì Tr đồng ý. K gọi điện cho mẹ là bà Ngô Thị L (sinh năm: 1975; HKTT: Số 3/2 Trần Bích San, Trần Quang Khải, TP N, tỉnh N) nói K đang nợ số tiền 115.000.000đ của người khác và xin bà L tiền trả nợ, bà L không tin và bảo K cho số điện thoại chủ nợ, K cho bà L số điện thoại của Tr để gọi điện thì Tr kể việc cho K vay số tiền 115.000.000đ nhưng bà L vẫn không tin. Thấy vậy, T lấy điện thoại nói chuyện với bà L, hỏi bà có hỗ trợ cho K trả nợ hay không thì bà L bảo đợi chồng (tức ông Vũ Văn T, sinh năm: 1975; HKTT: Số 3/2 Trần Bích S, Trần Quang K, TP N, tỉnh N) về giải quyết. Sau đó, S và Q đi ra ngoài ăn tối, ăn xong thì S quay lại nhà T còn Q bỏ đi đâu thì S không biết. Khoảng 30 phút sau, ông Trung (bố của K) có gọi điện thoại cho Tr thì T nghe máy, T tiếp tục hỏi ý kiến ông Trung có đứng ra trả nợ giúp K hay không, nếu không thì sẽ đưa K đến cơ quan công an. Ông Trung nói với T: “K tự làm thì tự chịu, gia đình không giúp, đề nghị T đưa lên cơ quan công an”.

Sự việc sau đó được trình báo cơ quan Công an, đến khoảng 20 giờ 30 phút ngày 24/10/2022, sau khi nhận được tin báo, Công an phường Phú Đô đã đến đưa Tr, S, T và những người liên quan về trụ sở Công an phường Phú Đô để làm rõ.

\* Vật chứng thu giữ: Thu giữ của Nguyễn Hùng S 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng, của Bùi Văn T 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus màu xám, bên trong có sim số 0984495544, của Bùi Văn T 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus màu xám, bên trong có sim số 0984495544, của Tạ Thị Thu Tr 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus màu vàng, bên trong có sim số 0964471436. Tất cả các điện thoại thu giữ đều đã qua sử dụng.

Tại cơ quan điều tra, các bị can Bùi Văn T và Tạ Thị Thu Tr thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Riêng Nguyễn Hùng S không thừa nhận hành vi tát vào mặt K, S khai chỉ vỗ nhẹ vào vai K hai cái để bảo K trả nợ cho Tr.

Tại bản cáo trạng số 133/CT-VKSNTL ngày 29/6/2022 của VKSND quận N, thành phố H đã truy tố Nguyễn Hùng S về tội “Cướp tài sản” theo khoản đ, h khoản 2 Điều 168 BLHS. Truy tố Bùi Văn T, Tạ Thị Thu Tr về tội “Cướp tài sản” theo khoản đ khoản 2 Điều 168 BLHS.

Kết thúc phần tranh tụng; Tại phần tranh luận, đại diện VKS đọc bản luận tội đối với các bị cáo. Nội dung bản luận tội đã phân tích nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo; Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ áp dụng đối với từng bị cáo và khẳng định cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; Đề nghị HĐXX tuyên bố ba bị cáo Nguyễn Hùng S, Bùi Văn T và Tạ Thị Thu Tr phạm tội “Cướp tài sản”.

Về hình phạt và Điều luật áp dụng:

Bị cáo S: Áp dụng điểm đ, h khoản 2 Điều 168 BLHS, điểm s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS; Đề nghị xử phạt bị cáo từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

Các bị cáo T, Tr: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168 BLHS, điểm s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS; T áp dụng thêm Điều 54 BLHS.

Đề nghị xử phạt các bị cáo: T từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù; Bị cáo Tr từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

Xử L vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

+ Trả lại bị cáo S 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S plus màu xám, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu vàng.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng của VKSND quận N đã truy tố các bị cáo. Các bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố và lời luận tội của đại diện VKS đối với các bị cáo tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, không oan. Không có bị cáo nào tranh luận với lời luận tội của đại diện VKS. Tại lời nói sau cùng cả 03 bị cáo cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại - Anh Vũ Văn K trình bày: Bị hại đã vay nợ của các bị cáo Tr, T nhưng không có khả năng trả nợ nên đã trốn tránh các bị cáo. Đến khi các bị cáo đòi nợ thì bị hại lại khát lần. Trong vụ án này, bị hại thừa nhận có phần lỗi rất lớn dẫn đến các bị cáo bị truy tố và xét xử, bị hại rất ân hận. Tại phiên tòa bị hại chỉ biết tha thiết mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho cả ba bị cáo, bị hại xin lỗi các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Căn cứ vào chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo, HĐXX nhận định: Khoảng 17 giờ ngày 24/10/2021, tại số nhà 9 ngõ 8/191 Lê Quang Đạo, phường Phú Đô, N, H, Nguyễn Hùng S, Bùi Văn T, Tạ Thị Thu Tr và đối tượng Q (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đã có hành vi đe dọa và dùng vũ lực đánh anh Vũ Văn K nhằm buộc anh Vũ Văn K phải trả số tiền 117.000.000đ (tiền K nợ các bị cáo Tr, T), nhưng tài sản chưa chiếm đoạt được.

Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Cướp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 168 BLHS.

Xét cáo trạng truy tố và lời trình bày luận tội của đại diện VKS tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Hành vi của các bị cáo là trái pháp luật và nguy hiểm cho xã hội. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo các xuất phát từ việc người bị hại nợ tiền các bị cáo sau đó trốn tránh không trả nợ. Sau khi tìm được người bị hại, các bị cáo cùng kéo tới và có lời nói đe dọa, dùng vũ lực để ép buộc người bị hại trả ngay toàn bộ số tiền nợ. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp đe dọa và gây thiệt hại đến sức khỏe của người bị hại, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra hành vi của các bị cáo còn gây mất trật tự trị an, gây hoang mang lo lắng tại nơi xảy ra tội phạm. Tuy nhiên, HĐXX xác định trong vụ án này người bị hại cũng có lỗi.

Xét đây là vụ án đồng phạm có 03 bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, nhưng hành vi của các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn. Vai trò của bị cáo S được xác định đầu vụ, tiếp theo là bị cáo T và bị cáo Tr.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng: Bị cáo S đã 07 lần phạm tội và bị xét xử, nhưng chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung tăng nặng.

Các bị cáo T, Tr: Chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội nhưng phạm tội nghiêm trọng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo S không thành khẩn khai báo, nhưng tại phiên tòa S và các bị cáo T, Tr thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo T sau khi đánh K để đòi nợ thì T đã chủ động điện thoại báo cho Công an phường về việc bắt được đối tượng lừa đảo và hỏi về hướng xử lý, HĐXX xác định đây là hành vi tự thú của bị cáo. Bị cáo Tr có thành tích trong việc học tập được tặng nhiều giấy khen các loại. Bị cáo S (có bố đẻ là cựu chiến binh), T (có ông nội, ông ngoại) được thưởng huân chương kháng chiến. Trong vụ án này, người bị hại xác định có lỗi rất lớn làm cho các bị cáo bị truy tố xét xử nên đã rất ân hận và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho cả 03 bị cáo. Do vậy, cả 03 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS; HĐXX áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Từ phân tích và nhận định nêu trên, xét cần xử phạt bị cáo một mức án tương ứng với tính chất mức độ hành vi của bị cáo đã gây ra. Cách ly cả 03 bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội. Đối với bị cáo T khi lượng hình HĐXX áp dụng Điều 54 để xử bị cáo ở dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Đối với hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tiền của Tạ Thị Thu Tr vào ngày 12/01/2022, hành vi này đã bị Cơ quan CSĐT Công an quận N ra quyết định khởi tố vụ án và ngày 14/01/2022 đã ra quyết định khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với Vũ Văn K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Đối với Nguyễn Văn Tường, quá trình điều tra xác định Tường có dẫn Tr, Q vào nhà S nhưng Tường không nhờ S, Q đánh và không biết sự việc S, Q và T tham gia đánh K để đòi nợ giúp Tr nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử L.

Đối với đối tượng tên Q, quá trình điều tra do chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra chưa có căn cứ xem xét, xử L. Ngày 19/05/2022 Cơ quan điều tra đã ra quyết định số 19/CQĐT-ĐTTH tách vụ án liên quan đến hành vi của Q để tiếp tục làm rõ và xử L sau.

Đối với Đỗ Bình Phước, do quá trình S, Tr, T và Q đánh K để đòi nợ và yêu cầu K viết giấy nợ, Phước đã tham gia can ngăn nên Cơ quan điều tra không đề cập để xử L.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu gì đối với các bị cáo nên HĐXX không xem xét.

Về xử L vật chứng: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 02 điện thoại di động thu giữ của các bị cáo T, Tr. Trả lại bị cáo S 01 điện thoại di động.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hùng S, Bùi Văn T và Tạ Thị Thu Tr phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm đ, h khoản 2 Điều 168 BLHS, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS.

**Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Hùng S 08 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2021.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168 BLHS, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS; Bị cáo T áp dụng thêm điểm r khoản 1 Điều 51, Điều 54 BLHS.

#### **Xử phạt:**

+ Bị cáo Bùi Văn T 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2021.

+ Bị cáo Tạ Thị Thu Tr 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2021.

Áp dụng 329 Bộ luật tố tụng hình sự; Tạm giam mỗi bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.



Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét

Về xử L vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS; Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S plus màu xám, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu vàng; Trả lại bị cáo S 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng (Đặc điểm vật chứng đúng như biên bản giao nhận vật chứng số 177 ngày 29/6/2022 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự quận N, H).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST.

Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND thành phố Hà Nội
- VKSND cùng cấp
- Thi hành án, Công an quận
- Bị cáo, bị hại
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Vinh**